

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-9-2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn,

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Văn Anh Trình và ông Lê Quang Thuỳ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa, các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Khổng Thị B, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khóm M, Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Ngô Đình P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn: Bà Trần Thị L (mẹ đẻ anh Ngô Đình P); địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 3 năm 2022, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Khổng Thị B trình bày: Chị và anh Ngô Đình P tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh P tại thôn A, xã V, huyện Q. Trong quá trình sống chung, vợ chồng không phát sinh mâu

thuần gì lớn, đến năm 2018 vì điều kiện làm ăn chị B và hai con về sinh sống tại nhà bố mẹ Chị ở khóm M, tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Từ đó đến năm 2021 hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P ghen tuông vô cớ, thường xuyên gây gỗ lớn tiếng xúc phạm vợ và gia đình; nhiều lần đe dọa làm ảnh hưởng đến tinh thần, tâm lý của vợ và các con, có lần anh P đánh đập vợ trước mặt các con làm các con vô cùng hoảng sợ. Hiện nay, Chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh P.

Anh Ngô Đình P bị bệnh ảnh hưởng đến thần kinh từ năm 2016 đến nay, lúc thay đổi thời tiết phải uống thuốc thần kinh, do điều kiện kinh tế của Chị khó khăn, Chị và gia đình anh P không có khả năng đưa anh P đi giám định để làm thủ tục tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, nên Chị không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh P mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Ngô Bảo A, sinh ngày 27-8-2014 và Ngô Bảo N, sinh 09-11-2015, hiện đang sống cùng Chị, cháu N bệnh gan bẩm sinh phải đi điều trị thường xuyên tại Bệnh viện tại Hà Nội. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Chị là xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Vì hiện nay, anh P đau ốm không có công ăn việc làm, không có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Bị đơn anh Ngô Đình P được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, chị Khổng Thị B đã nộp đơn yêu cầu Tòa án xác minh lý do vắng mặt của Bị đơn: Tại biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 8 năm 2022, anh Ngô Đình P trình bày: Anh và chị Khổng Thị B tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ Anh tại thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân anh P đau ốm, bệnh tật, chị B không quan tâm, chăm sóc chồng. Hiện nay, chị B xin ly hôn Anh không đồng ý, Anh có nguyện vọng xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Còn nếu chị B kiên quyết ly hôn thì tùy theo ý kiến của chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Ngô Bảo A, sinh ngày 27-8-2014 và Ngô Bảo N, sinh 09-11-2015, hiện đang sống cùng chị B. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh P có nguyện vọng xin được nuôi con Ngô Bảo N và không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị L (mẹ đẻ anh Ngô Đình P) trình bày: Bà có con trai Ngô Đình Phú 1 chị Khổng Thị B, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng P - B về sống chung cùng với gia đình Bà tại thôn Á, xã V được một thời gian thì lên ngoại ở thị trấn K, huyện L sinh sống, làm ăn.

Đến tháng 02/2022, Ngô Đình P trở về sống cùng gia đình Bà. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do P bị bệnh thần kinh nên B chán nản không quan tâm đến chồng, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Hiện nay, B xin ly hôn P, tuy vợ chồng quyết định, bản thân Bà có nguyện vọng mong muốn vợ chồng hạnh phúc, không nên ly hôn. Con Bà - Ngô Đình P trước đây bị người khác đánh ở đầu, đến năm 2013-2014, bệnh tái phát nên phải điều trị ngoại trú có sổ điều trị thần kinh và lấy thuốc uống. Hiện nay, đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn không có khả năng để đưa Ngô Đình P đi giám định để yêu cầu Toà án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, gia đình Bà không có yêu cầu Toà án tuyên bố Ngô Đình P mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; đề nghị Toà án tạo điều kiện giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng Ngô Đình P và Khổng Thị B có 02 đứa con chung tên Ngô Bảo A, sinh ngày 27-8-2014 và Ngô Bảo N, sinh 09-11-2015, hiện đang sống cùng B. Việc giải quyết nuôi con chung theo nguyện vọng của hai vợ chồng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo Bà được biết, vợ chồng P - B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Khổng Thị B, xử cho chị B được ly hôn anh Ngô Đình P. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao hai con Ngô Bảo A, sinh ngày 27-8-2014 và Ngô Bảo N, sinh 09-11-2015 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Chị B, anh P và bà L thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Khổng Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Đình P, có địa chỉ thôn Á, xã V, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Ngô Đình P bị bệnh thần kinh, được hưởng chế độ bảo trợ xã hội; bà Trần Thị L, chị Khổng Thị B không yêu cầu tuyên bố anh P mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do đó, căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật dân sự, Tòa án cử bà Trần Thị L tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật cho anh Ngô Đình P. Anh Ngô Đình P, bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị B và anh Ngô Đình P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, do hai người không hợp tính tình, anh P ghen tuông, thường xuyên lớn tiếng gây gổ, cãi vã nhau làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của con cái. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Anh P cho rằng Anh đang còn tình cảm với chị B và không mong muốn ly hôn nhưng anh P lại đau bệnh thần kinh, không đối xử bình thường làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Khổng Thị B và anh Ngô Đình P có 02 con chung tên Ngô Bảo A, sinh ngày 27-8-2014 và Ngô Bảo N, sinh 09-11-2015, hiện đang sống cùng chị B; chị B có nguyện vọng được nuôi hai con, anh P có nguyện vọng được nuôi cháu N. Anh P, chị B đều có nguyện vọng nuôi con thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh Phú bị bệnh thần kinh, không có khả năng lao động, thu nhập để nuôi sống bản thân, vợ chồng bà L già yếu, chỉ giúp đỡ cho anh P về mặt tinh thần, mặt khác cháu N đau ốm thường xuyên phải điều trị tại Bệnh viện, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ; để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trưởng thành, cần giao cháu A và cháu N cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Khổng Thị B và anh Ngô Đình P và bà Trần Thị L thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Khổng Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Khổng Thị B và anh Ngô Đình P.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Ngô Bảo A, sinh ngày 27-8-2014 và Ngô Bảo N, sinh 09-11-2015 cho chị Khổng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2022 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Ngô Đình P không cấp dưỡng tiền nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Khổng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị B phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2021/0003868, ngày 08 tháng 7 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Khổng Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ngô Đình P, bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã V;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Nhàn**

